

Số: 07/2021/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 12 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở các doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý áp dụng đối với tất cả các sản phẩm, dịch

vụ công ích quy định tại Phụ lục II và dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Biểu 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

## **Điều 2. Hệ số điều chỉnh và phương pháp xác định**

1. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ( $H_{đc}$ ) so với mức lương cơ sở theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH đối với từng địa bàn trong tỉnh như sau:

- a) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương vùng II (thành phố Việt Trì) là 0,5;
- b) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương vùng III (thị xã Phú Thọ; Các huyện: Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Ba, Tam Nông) là 0,4;
- c) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương vùng IV (các huyện: Tân Sơn, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Yên Lập, Cẩm Khê, Hạ Hòa, Đoan Hùng) là 0,3.
- d) Việc xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo nguyên tắc: sản phẩm, dịch vụ công ích phát sinh trên địa bàn vùng nào thì áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ( $H_{đc}$ ) của địa bàn vùng đó.

2. Chi phí khác trong chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm dịch vụ công, gồm: chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn thuộc trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động; chi phí ăn giữa ca và chế độ khác của từng loại lao động (nếu có) theo quy định pháp luật.

3. Phương pháp xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 4, 5, 6, 7 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH để xác định tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ; tiền lương của lao động quản lý doanh nghiệp và chi phí khác trong chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Quang**

